

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-PT
Ngày 30-5-2019
V/v “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang;

Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 27, 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 106/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2019/QĐPT-DS ngày 15 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh. – (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về tài sản chung: Bà Đỗ Thị M1, sinh năm 1962; Địa chỉ: xã S, huyện T, tỉnh Tây Ninh. – là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 16-01-2019) – (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn Th, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1969; Luật sư của chi nhánh văn phòng Luật sư Tài Lộc Tây Ninh- thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3. Người làm chứng: Anh Bùi Minh M2, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh. – (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Bùi Văn Th.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 5 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông Bùi Văn Th chung sống và đăng ký kết hôn năm 1997. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, ngoài ra ông Th còn có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra bất hòa, ông Th đánh đập bà nhiều lần. Bà và ông Th không sống chung từ năm 2007 cho đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: Bà và ông Th có 01 con chung là anh Bùi Minh M2, sinh ngày 23-11-1998. Anh M2 đã trưởng thành tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: 01 phần đất diện tích 3.496,5m², diện tích đo đạc thực tế là 3.677,5m² thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 13 tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà đứng tên kê khai đăng ký và các tài sản khác gắn liền với đất. Năm 1999 ông Bùi Văn Th bán 1,4 ha đất ruộng cho ông Phan Hiếu Dương đã nhận 153.000.000 đồng nên bà yêu cầu được nhận toàn bộ các tài sản nhà, đất và cây ăn trái trên đất diện tích 3.677,5m².

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Bùi Văn Th trình bày:

Ông thừa nhận về thời gian chung sống và con chung như lời trình bày của bà M. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do bà M không chăm sóc các con riêng của ông. Năm 2009 ông và bà M không còn sống chung. Nay ông đồng ý ly hôn với bà M.

Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Thống nhất với lời trình của bà M về tài sản chung. Ông yêu cầu được nhận ½ tài sản là đất, đối với nhà và các tài sản trên đất ông đồng ý giao cho bà M không có tranh chấp gì. Ông thừa nhận có nhận của ông Phan Hiếu

Dương 153.000.000 đồng nhưng không phải là để chi tiêu riêng mà để trả tiền nợ vật tư xây dựng làm nhà và chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án sơ thẩm số 106/2018/HNGĐ -ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh quyết định:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn Th.

- Về con chung: Cháu Bùi Minh M2 đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 16 tờ bản đồ số 13 diện tích kê khai đăng ký là 3.496,5m², diện tích đo đạc thực tế là 3.677,5m² đất tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có bản đồ kèm theo).

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn Th khai nhận không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết,

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 12-12-2018 của ông Bùi Văn Th yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho ông được hưởng 1/3 giá trị tài sản.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Th trình bày: ông nhận khoản tiền anh Phan Hiếu Dương 153.000.000 đồng tại quán cà phê gần nhà anh Dương. Ông là người nhận tiền, lúc đó có mặt bà M. Sau khi nhận tiền ông không giao cho bà M mà ông giữ để chi phí những việc trong nhà và trả tiền vật liệu xây dựng cho ông Bùi Văn Dũng 85.000.000 đồng; ông cho các con ông 15.000.000 đồng không phải cho mỗi người 15.000.000 đồng như lời khai của ông tại Tòa án cấp sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Th trình bày: Bản án sơ thẩm giao toàn bộ tài sản cho bà M là không có cơ sở. Các đương sự thừa nhận phần đất 3.677,5m² tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung. Trong thời kỳ hôn nhân có thỏa thuận giao cho bà M phần đất này nhưng chỉ do bà M trình bày, không có chứng cứ chứng minh. Ông Th có nhận 153.000.000 đồng khoản tiền chuyển nhượng đất cho anh Phan Hiếu Dương, nhưng ông Th không sử dụng khoản tiền này vào mục đích riêng mà sử dụng để xây nhà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Th .

Ý kiến Kiểm sát viên:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Điều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Căn cứ Khoản 1 Điều 301 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình thu thập chứng cứ, bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn Th khai thống nhất các vấn đề sau: trong thời gian chung sống ông bà có tạo lập tài sản chung là phần đất 3.496,5m², diện tích đo đạc thực tế là 3.677,5m² tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh hiện do bà M đang sử dụng và phần đất ruộng 1,4 ha tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh đã chuyển nhượng cho anh Phan Hiếu Dương năm 2009 được số tiền 153.000.000 đồng và khoản tiền này do ông Th nhận.

[2] Bà M cho rằng, khi xây nhà năm 2008, với khoản tiền vợ chồng có được khoản 80.000.000 đồng nên chỉ xây tường không tô, nền gạch bông, mái nhà sử dụng tol cũ. Năm 2009, chuyển nhượng đất cho anh Dương được 153.000.000 đồng ông Th nhận và không về nhà cho đến nay. Đến năm 2011, bà mới xây sửa nhà hoàn chỉnh. Lời khai của bà phù hợp với lời khai của người làm chứng và của anh Bùi Minh M2 là con ruột của ông Th bà M.

[3] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Th trình bày căn nhà bà M đang sử dụng xây khoản 85.000.000 đồng; ông nhận tiền chuyển nhượng đất 153.000.000 đồng chi phí để xây nhà 85.000.000 đồng và cho các con ông 70.000.000 đồng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông cho rằng chi phí xây nhà khoảng 180.000.000 đồng. Sau khi nhận khoản tiền 153.000.000 đồng, ông trả cho cửa hàng vật liệu xây dựng của anh ruột ông là ông Bùi Văn Dũng 85.000.000 đồng, ông cho các con ông 15.000.000 đồng, số tiền còn lại ông chi tiêu cho gia đình. Lời khai của ông mặc dù có anh ruột của ông là ông Bùi Văn Dũng xác nhận ông có trả tiền vật liệu xây dựng 85.000.000 đồng, nhưng trước sau không thống nhất và không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông là đúng. Trong khi đó, ông xác nhận, trong quá trình chung sống với bà M, mặc dù vợ chồng cùng lao động tạo

thu nhập để sinh sống, nhưng giữ tiền và mọi chi tiêu của gia đình là do bà M đảm nhận. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định khoản tiền 153.000.000 đồng ông Th nhận và không chứng minh được sử dụng cho gia đình. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm chia toàn bộ diện tích đất 3.677,5m² là tài sản chung còn lại cho bà M là có căn cứ. Nên kháng cáo của ông Th không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề xuất của Kiểm sát viên.

[4] Về án phí phúc thẩm: ông Th phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Th. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 106/2018/DS -ST ngày 30-11-2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 33, 51, 55, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Công nhận sự thỏa thuận tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Cháu Bùi Minh M2 đã trưởng thành tự lao động và sinh sống được nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 16 tờ bản đồ số 13 diện tích kê khai đăng ký là 3.496,5m², diện tích đo đạc thực tế là 3.677,5m² đất tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có bản đồ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị M có quyền và nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn Th khai nhận không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết,

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M là con của liệt sỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nên được miễn tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, ông Bùi Văn Th không được

chia phần tài sản chung nào nên không phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

